

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 309/2020/QĐST-HNGĐ

B, Ngày 30 tháng 06 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 201/2020/TLST- VHNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Phạm Minh N**, sinh năm 1973.

- **Chị Hà Thị Vân K**, sinh năm 1976.

Cùng có hộ khẩu thường trú và ở tại: số 28 ngõ 462/10 đường B, phường V, quận B, thành phố H.

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 396, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Anh Phạm Minh N và chị Hà Thị Vân K kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào 10/08/2000 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 58 quyển số 01), đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 06 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** anh **Phạm Minh N** và chị **Hà Thị Vân K** thống nhất thuận tình ly hôn.

2. **Về con chung:** Anh chị 02 con chung:

+ cháu Phạm Khánh N, sinh ngày: 09/11/2000;

+ cháu Phạm Bảo L, sinh ngày 12/04/2008.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị để chị K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Bảo L từ tháng 05/2020; anh N cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Cháu Phạm Khánh N đã trưởng thành nên cháu ở với ai là quyền của cháu, anh chị không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. **Về tài sản chung và nhà đất ở:** Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. **Về các khoản vay nợ:** Anh chị xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả.

II. Về lệ phí: chị Hà Thị Vân K tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình. Xác nhận chị K đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024389 ngày 05 tháng 05 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;

- Viện kiểm sát nhân dân quận B;

- Ủy ban nhân dân phường V, quận D, thành phố H.

- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoài Phương